TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DS-ST
Ngày: 19-4-2022
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Phước;

2. Ông Nguyễn Đình Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký của Tòa án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, THnh phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Ngọc Liên Hương.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, THnh phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lữ Tú G, sinh năm 1978.

Địa chỉ liên lạc: 29/15 ấp Nam Thới, xã T, huyện H, THnh phố M *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Công ty .

Trụ sở: 72 – 74 đường Q, phường A, quận B, THnh phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Văn T/bà Ngô Thị N1, cùng địa chỉ liên hệ: 72 – 74 đường Q, phường A, quận B, THnh phố H. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu K.

Trụ sở: 120/35 Đường Q, Phường B, quận P, THnh phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 28/10/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Lữ Tú G (gọi tắt là ông G) trình bày: Do có quen biết với ông Đặng Quan H nên ông được ông H giới thiệu lái xe chở khách cho Công ty (sau đây gọi tắt làcông ty S). Giữa ông và ông H có thỏa thuận miệng việc ông lái xe chở khách chocông ty S, khi chia doanh thu ông được hưởng 65%,công ty S hưởng 35%. Ông không ký hợp đồng lao động gì vớicông ty S và cũng không phải nhân viên công ty nhưng ông được cấp thẻ nhân viêncông ty S, là người trực tiếp lái xe chở khách và đóng toàn bộ doanh thu của việc lái xe chocông ty S. Xe ô tô ông sử dụng mang biển số 51H-70714 do ông đứng tên, chở khách trong sân bay Tân Sơn Nhất. Ông lái xe chở khách chocông ty S từ ngày 21/02/2020 đến ngày 17/3/2020 thì ngưng làm việc do vướng dịch bệnh Covid-19. Số tiền lái xe chở khách mà ông thu được trong thời gian đó là 26.647.000 đồng, sau khi trừ đi 35% chi phí theo thỏa thuận thì ông sẽ được nhận là số tiền là 17.320.550 đồng. Tuy nhiên từ khi nghỉ việc cho đến nay,công ty S không thanh toán số tiền trên cho ông. Sau khicông ty S không thanh toán tiền, ông nộp đơn khởi kiện thì mới biết ông H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu K (gọi tắt là Công ty K) và giữa Công ty K vàcông ty S có ký hợp đồng dịch vụ kinh doanh với nhau. Ông chỉ biết ông lái xe chocông ty S nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty trả cho ông số tiền 17.320.550 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty có người đại diện hợp pháp là bà Ngô Thị Nga trình bày: Ông Nguyễn Lữ Tú G không phải là nhân viêncông ty S, ông G và ông Đặng Quan H là người đại diện theo pháp luật của Công ty K có thỏa thuận miệng về việc ông G lái xe chở khách chocông ty S, chia doanh thu thì người hợp tác với ông G phải là Công ty K. Giữacông ty S và Công ty K có ký hợp đồng thuê phương tiện vận tải số 26/2019/HĐ-SV ngày 15/12/2019, phụ lục hợp đồng số 26/2019/HĐ-SV ngày 15/12/2019 về việc Công ty K cung cấp xe ô tô và cả tài xế chạy chở khách trong sân bay Tân Sơn Nhất chocông ty S. Trong số các xe ô tô do Công ty K cung cấp có xe của ông G mang biển số 51H-70714, vì vậycông ty S mới phát thẻ nhân viên cho ông G để thuận tiện cho việc kiểm soát và hoạt động chở khách trong sân bay.công ty S và Công ty K đã thanh lý hợp đồng ngày 22/6/2020,công ty S đã thanh toán đầy đủ tiền thuê các xe ô tô theo hợp đồng đã ký cho Công ty K trong đó có xe của ông G, đề nghị ông G khởi kiện yêu cầu Công ty K trả số tiền trên cho ông G.công ty S không hợp tác với ông cũng như không có bất cứ thỏa thuận nào mà chỉ làm việc với Công ty K do đócông ty S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền doanh thu lái xe chở khách theo thỏa thuận giữa hai bên, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại quận Tân Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, THnh phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là 17.320.550 đồng:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông Nguyễn Lữ Tú G có lái xe chở khách cho Công ty từ ngày 21/02/2020 đến ngày 17/3/2020. Ông G xác định có quen biết với ông Đặng Quan H là người đại diện theo pháp luật của Công ty K nên ông được ông H giới thiệu lái xe chở khách cho Công ty . Giữa ông và ông H có thỏa thuận miệng việc ông lái xe chở khách chocông ty S, chia doanh thu thì ông được hưởng 65%,công ty S hưởng 35%. Giữa ông G vàcông ty S không có bất kỳ thỏa thuận nào cũng như không hề ký hợp đồng về việc lái xe chở khách nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù ông G là người trực tiếp lái xe và đóng doanh thu chocông ty S nhưng giữa hai bên không hề phát sinh hợp đồng do không có bất kỳ thỏa thuận, trao đổi hay ký kết hợp đồng gì với nhau theo Điều 116, Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015. Việc ông G lái xe chocông ty S phát sinh từ hợp đồng thuê phương tiện vận tải số 26/2019/HĐ-SV ngày 15/12/2019, phụ lục hợp đồng số 26/2019/HĐ-SV ngày 15/12/2019 giữacông ty S và Công ty K. Trong các xe do phía Công ty K cho thuê có xe của ông G mang biển số 51H-70714. Để thuận tiện cho việc kiểm soát và hoạt động chở khách,công ty S có phát thẻ nhân viên cho ông G. Vào ngày 22/6/2020công ty S và Công ty K đã thanh lý hợp đồng vàcông ty S đã thanh toán đầy đủ phí dịch vụ với Công ty K. Xét lời trình bày của bị đơn là có căn cứ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty trả số tiền 17.320.550 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 385 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Điều 26 của Luật Thi Hnh án dân sự;

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Lữ Tú G về việc buộc Công ty trả số tiền 17.320.550 (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm năm mươi) đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Lữ Tú G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 866.050 (Tám trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm năm mươi) đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Lữ Tú G đã nộp là 433.025 (bốn trăm ba mươi ba ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0068651 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Ông G còn phải nộp thêm số tiền án phí là 433.025 (bốn trăm ba mươi ba ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng.

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Lữ Tú G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty , Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân THnh phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình nhận được bản án.

Trường hợp bản án,quyết định được thi Hnh theo qui định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án,tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi Hnh án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKS nhân dân quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Trần Ái Vy